| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÓC MÔN**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: …../2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2021
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

***Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Yến Ngọc
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1.Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1270/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1977

Địa chỉ: 42/2 ấp Đông Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Dương X, sinh năm 1970

Địa chỉ: Nhà không số Tổ 6, Ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2020, Bản tự khai ngày 07/12/2020, Biên bản tiếp xúc đương sự ngày 12/3/2021, Biên bản không tiến hành hòa giải được các ngày 06/4/2021 và ngày 27/4/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:

Sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu, năm 2000 bà C, ông X tự nguyện tìm hiểu nhau quyết định xây dựng hạnh phúc gia đình, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh theo quy định. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, ông Dương X không chăm lo cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, bạo hành vợ con nhiều lần. Đến tháng 9 năm 2020, sau khi bị ông X đánh, bà C và các con dọn ra ở riêng và sống ly thân với ông X đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Nay bà C yêu cầu được ly hôn với ông X theo quy định của pháp luật.

Về con chung: có 02 con chung tên: Dương Chí Th, sinh ngày 18/7/1997 đã trưởng thành và Dương Thị Hồng Đ, sinh ngày 14/8/2007. Sau ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Dương X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn là ông Dương X vắng mặt không đến Tòa án để tiến hành hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Dương X, quan hệ tranh chấp giữa bà C và ông X là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014. Bị đơn là ông Dương X có lưu trú tại Nhà không số Tổ 6, Ấp 3, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim C và ông Dương X: Bà C, ông X tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh ngày 25/01/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 08, Điều 09 của Luật hôn nhân gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay bà Kim C yêu cầu ly hôn với ông Dương X nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà C vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Dương X do bất đồng quan điểm sống, không

còn tình yêu thương vợ chồng và hiện đã ly thân không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy bà C và ông X có thời gian chung sống từ năm 2000 đến năm 2018, sau đó giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, mặc dù hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ năm 2020 đến nay, sau nhiều lần bị chồng bạo hành bà C cùng các con đã dọn nhà ra ở riêng sống ly thân với ông Dương X. Về phía ông X cũng như không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Kim C. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông X theo quy định.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà C và ông X có 02 con chung tên: Dương Chí Th, sinh ngày 18/7/1997 đã trưởng thành và Dương Thị Hồng Đ, sinh ngày 14/8/2007. Sau ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Dương X cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án có tiến hành thu thập lời khai ghi nhận ý kiến của trẻ Dương Thị Hồng Đ, tại bản tự khai trẻ Đ có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại trẻ Đ đang sống cùng mẹ, nên việc giao trẻ Đ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hiện nay và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Đ nên Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai trẻ Th, Đ cho bà C nuôi dưỡng, Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông X cho đến khi có đơn yêu cầu của bà C.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn là ông Dương X vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Điều này chứng tỏ ông Dương X không quan tâm đến việc giải quyết và hàn gắn gia đình nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim C chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim C: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1977 được ly hôn với ông Dương X, sinh năm 1970.

2.Về con chung: Có 02 con chung tên: Dương Chí Th, sinh ngày 18/7/1997 đã trưởng thành và Dương Thị Hồng Đ, sinh ngày 14/8/2007. Sau ly hôn giao con chung Dương Thị Hồng Đ cho bà Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông X cho đến khi có yêu cầu của bà C.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không có.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim C phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0076723 ngày 16/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Kim C đã nộp xong án phí HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07, 7a, 7b và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

**Hoàng Thị Yến Ngọc**